

ĐỀ NGHỊ KIỂM HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ

Application cum contract for using services

(Dành cho khách hàng tổ chức/ For Organization Customer)

Số hợp đồng/ Contract No.: _____ Ngày / date: ____/____/____

Mã Khách hàng/ Customer Code: _____

A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC/ INFORMATION OF ORGANIZATIONAL CUSTOMER

Tên giao dịch đầy đủ/ Full transaction name: _____

Tên tiếng Anh/ Name in English: _____

Tên giao dịch viết tắt/ Abbreviated transaction name: _____

☐ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp¹ / Enterprise registration certificate ☐ Khác/ Other: _____

Số/No.: _____ Cấp ngày/ Issued date: ____/____/____ Nơi cấp/ Issued by: _____

Đăng ký lần đầu/ First business registration: ____/____/____

Ngày thay đổi gần nhất (nếu có)/ Latest amendment (if any): ____/____/____

Mã số thuế/ Tax Code: _____ Mã số Bảo hiểm xã hội/ Social Insurance Code: _____

Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh chính / Main business lines: _____

Loại hình doanh nghiệp/ Type of enterprise:

- | | |
|--|---|
| ☐ Doanh nghiệp nhà nước / State-owned enterprise | ☐ Công ty cổ phần/ Joint stock company |
| ☐ Công ty TNHH MTV/ One-member limited liability company | ☐ Công ty TNHH 2 TV trở lên/ Two or more members limited liability company |
| ☐ DN có vốn đầu tư nước ngoài / Foreign invested enterprise | ☐ Hợp tác xã/ Co-operatives |
| ☐ Tổ chức tín dụng/ Credit institution | ☐ Doanh nghiệp tư nhân/ Private enterprise |
| ☐ Khác/ Other: _____ | |

Doanh thu (tỷ đồng)/ Revenue (billion VND): ☐ <20 ☐ từ/ from 20- 100 ☐ từ/ from 100-500 ☐ từ/ from 500-1000 ☐ ≥ 1000

Tình trạng cư trú/ Residential status: ☐ Cư trú / Resident ☐ Không cư trú/ Non-resident

Địa chỉ trụ sở chính/ Head office address:

Số nhà/ No:	Đường, phố/ Road, street:
Phường/xã/ Ward/Commune:	Quận/Huyện/ District:
Tỉnh/TP/ Province/City:	Quốc gia/ Country:

Địa chỉ giao dịch/ Transaction address:

Số nhà/ No:	Đường, phố/ Road, street:
Phường/xã/ Ward/Commune:	Quận/Huyện/ District:
Tỉnh/TP/ Province/City:	Quốc gia/ Country:

Điện thoại/ Tel: _____ Fax: _____ Mã SWIFT/ SWIFT Code: _____

Email: _____ Địa chỉ nhận thư/ Mail address: _____

Website: _____

Trường hợp Khách hàng có cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi², Khách hàng đăng ký tại Phụ lục đăng ký thông tin bổ sung đính kèm/ In case the Customer has beneficial owner: The customer register in the attached Appendix: additional registration information)

THÔNG TIN ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC (CHI NHÁNH/PHÒNG/CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC KHÁC)/ SUBSIDIARY UNIT INFORMATION (BRANCH/REPRESENTATIVE OFFICE/OTHER DEPENDENT UNITS)

(Áp dụng trường hợp mở tài khoản thanh toán cho đơn vị hạch toán phụ thuộc)/ (Applying in the case of opening current account for dependent accounting unit)

Tên đơn vị/ Name of Unit: _____

☐ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động¹ / Operation registration certificate ☐ Khác/ Other: _____

Số/No.: _____ Cấp ngày/ Issued date: ____/____/____ Nơi cấp/ Issued by: _____

Mã số thuế/ Tax code: _____

Địa chỉ giao dịch/ Transaction address:

Số nhà/ No:	Đường, phố/ Road, street:
Phường/xã/ Ward/Commune:	Quận/Huyện/ District:
Tỉnh/TP/ Province/City:	Quốc gia/ Country:

Điện thoại/ Tel: _____ Fax: _____ Mã SWIFT/ SWIFT Code: _____

¹ Điền Giấy tờ khác tương đương theo quy định của Pháp luật/ Fill other equivalent documents as prescribed by law

² Chủ sở hữu hưởng lợi tài khoản Tổ chức là cá nhân có quyền chi phối pháp nhân (cá nhân nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% trở lên vốn điều lệ của pháp nhân đó; chủ doanh nghiệp tư nhân, cá nhân khác thực tế chi phối pháp nhân đó)/The beneficial owner of organizational account is an individual who dominates the legal entity (individual holds directly or indirectly 25% or more of legal capital of that legal entity; private business owner; other person who actually dominates that legal.

Email: _____ Địa chỉ nhận thư/ Mail address: _____

THÔNG TIN VỀ FATCA (Đạo luật tuân thủ về thuế đối với các tài khoản nước ngoài do Hoa Kỳ ban hành)/ FATCA INFORMATION
(The Foreign Account Tax Compliance Act issued by the U.S.)

Tình trạng FATCA (chỉ ký hiệu duy nhất một dấu x trong số các mục dưới đây và cung cấp các thông tin được yêu cầu)/ *FATCA status (leave one x mark only in one of the following sections and provide the requested information)*

Công ty của Hoa Kỳ (một công ty được hình thành tại Hoa Kỳ, được thành lập theo pháp luật của Hoa Kỳ hoặc là một chủ thể phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Chính phủ Hoa Kỳ)/ *Company of the U.S. (a company incorporated in the U.S., established in accordance with the laws of the U.S. or an entity with tax obligation to the U.S. Government)*.

- Cung cấp Mã số thuế công ty phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Chính phủ Hoa Kỳ/ *Please provide the Tax code of the company with tax obligation to the U.S. Government:* _____
- Công ty có thuộc đối tượng được miễn nộp thuế cho Chính phủ Hoa Kỳ không?/ *Is the Company subject to tax exemption to the U.S. Government?* ☐ Có/ Yes ☐ Không/ No

Sau khi xác định công ty là công ty của Hoa Kỳ như trên, thực hiện tiếp các bước bên dưới/ *After determining that it is a company of the U.S. as above, please proceed the following steps:*

Cam kết bổ sung mẫu W9³ trong vòng _____ ngày (không quá 90 ngày) kể từ ngày mở TK/ *Undertake to supplement form W93 within _____ days (no more than 90 days) from the date of account opening:* ☐ Đồng ý bổ sung/ *Accept* ☐ Không đồng ý bổ sung/ *Reject*

Định chế tài chính (Định chế tài chính bao gồm các tổ chức nhận tiền gửi trong quá trình hoạt động kinh doanh, nắm giữ tài sản tài chính vì lợi ích của một hoặc một vài đối tượng khác, là một tổ chức đầu tư hoặc một công ty bảo hiểm mặc định)/ *Financial institutions (Financial institutions include organizations which receive deposit during their course of business, hold financial property for the benefit of one or a number of other persons, investment organization or a default insurance company):*

- Cung cấp Số Định danh Toàn cầu của công ty đã đăng ký (GIIN), hoặc cung cấp tên đăng ký và mã GIIN của Trụ sở chính nếu Công ty không đăng ký mã GIIN/ *Please provide the registered Global Intermediary Identification Number of the company (GIIN), or provide the registered name and GIIN of the Head office if the GIIN of the Company is not registered:* _____
- Nếu công ty không có số GIIN, vui lòng cung cấp tình trạng FATCA/ *If the company has no GIIN, please provide FATCA status:* _____

Sau khi xác định công ty là một Định chế Tài chính như trên, thực hiện tiếp các bước bên dưới/ *After determining that the company is a Financial Institution as above, please proceed the following steps:*

Cam kết bổ sung mẫu W8-BEN-E trong vòng _____ ngày (không quá 90 ngày) kể từ ngày mở TK/ *Undertake to supplement form W8-BEN-E2 within _____ days (no more than 90 days) from the date of account opening:*

☐ Đồng ý bổ sung/ *Accept* ☐ Không đồng ý bổ sung/ *Reject*

Các loại hình Công ty khác không phải là Công ty của Hoa Kỳ và Định chế Tài chính như được định ở trên/ *Other company forms other than a Company of the U.S. and a Financial institution as defined above:*

Có bất kỳ chủ sở hữu hưởng lợi nào của công ty là công dân Hoa Kỳ hoặc cá nhân thường trú hợp pháp ở Hoa Kỳ theo các quy định về thuế của Hoa Kỳ hay không?/ *Is any beneficial owner of the company an U.S. citizen or legitimate resident in the U.S. in accordance with tax regulations of the U.S.?* ☐ Có/ Yes ☐ Không/ No

Cam kết bổ sung mẫu W8-BEN-E³ trong vòng _____ ngày (không quá 90 ngày) kể từ ngày mở TK/ *Undertake to supplement form W8-BEN-E2 within _____ days (no more than 90 days) from the date of account opening:* ☐ Đồng ý/ *Accept* ☐ Không đồng ý/ *Reject*

Nếu có, cung cấp tên và mã số thuế (TIN) của mỗi chủ sở hữu hưởng lợi là công dân Hoa Kỳ hoặc cá nhân thường trú hợp pháp tại Hoa Kỳ phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Chính phủ Hoa Kỳ/ *If accepted, please provide name and taxpayer identification number (TIN) of each beneficial owner being U.S. citizen or legitimate resident in the U.S. with tax obligation to the U.S. Government*

Họ tên/ *Full name:* _____ Hộ chiếu/ *Passport:* _____ Mã số thuế/ *TIN:* _____

Địa chỉ thường trú/ *Residential address:* _____ Quốc tịch/ *Nationality:* _____

Cam kết bổ sung mẫu W8-BEN-E³ trong vòng _____ ngày (không quá 90 ngày) kể từ ngày mở TK/ *Undertake to supplement form W8-BEN-E2 within _____ days (no more than 90 days) from the date of account opening:*

☐ Đồng ý bổ sung/ *Accept* ☐ Không đồng ý bổ sung/ *Reject*

Thông tin Chủ sở hữu hưởng lợi*/Beneficial Owner Information

☐ (1) Chủ sở hữu hưởng lợi là người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản và không có cá nhân nào khác thuộc mục (2)/ *Beneficial Owner is Legal Representative of Account Holder and no other individual in section (2).*

☐ (2) Chủ sở hữu hưởng lợi thuộc một trong số các đối tượng sau: (2a) Cá nhân nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người có liên quan hoặc thông qua ủy thác đầu tư từ 25% trở lên vốn điều lệ của chủ tài khoản; (2b) Cá nhân khác người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản thực tế chi phối kiểm soát chủ tài khoản; (2c) Cá nhân ủy thác, ủy quyền cho chủ tài khoản; (2d) Cá nhân có quyền chi phối cá nhân/ pháp nhân/tổ chức ủy thác, ủy quyền cho chủ tài khoản/ *Beneficial Owner belongs to one of the following individual: (2a) Individuals holding directly or indirectly through related persons or through investment trusts 25% or more of the Account Holder's charter capital; (2b) Individual other than the Legal Representative actually controls Account Holder; (2c) Account Holder's grantor, authorizer; (2d) Individual controls the individual/legal entity/organization that entrusts or authorizes of the Account Holder*

³ Liên hệ với Chuyên viên tư vấn của MBV để được cung cấp mẫu này hoặc lấy mẫu trên Website của Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ: <https://www.irs.gov/> Please contact the customer consultant of MBV to be provided with this form or download this form from the Website of the Internal Revenue Service of the U.S.: <https://www.irs.gov/>

Vui lòng cung cấp thông tin theo mẫu biểu của MBV/Please provide the information in the form of MBV

Tài khoản tại MBV có được sử dụng để thực hiện Thỏa thuận pháp lý không?/Did this account use to make any Legal Agreements?

☐ Không/No

☐ Có/Yes (Vui lòng cung cấp thông tin theo mẫu biểu của MBV/Please provide the information in the form of MBV)

Những cá nhân được xác định danh tính trong những phần trên, có cá nhân nước ngoài nào có ảnh hưởng chính trị không?*/Are any of the foreign individuals identified in the above sections considered to be Politically Exposed Person (PEP)?

☐ Không/No

☐ Có/Yes (Vui lòng cung cấp thông tin theo mẫu biểu của MBV/Please provide the information in the form of MBV)

ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ TÀI KHOẢN, KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN, CHỮ KÝ, MẤU DẤU VÀ ỦY QUYỀN SỬ DỤNG TÀI KHOẢN⁴/ LEGAL REPRESENTATIVE OF THE ACCOUNT HOLDER, CHIEF ACCOUNTANT OFFICER, SIGNATURE, SEAL SPECIMEN AND AUTHORIZATION TO USE ACCOUNT

Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản/Legal representative of the account holder

☐ Người đại diện theo pháp luật/Legal representative

☐ Người đại diện theo ủy quyền/ Authorized representative

Họ và tên/ full name: _____

Ngày sinh/ Date of birth: ____/____/____

Quốc tịch/ Nationally: _____ Giới tính/Gender: _____

☐ Nam/ Male

☐ Nữ/ Female

☐ Thẻ căn cước/ ID Card ☐ Căn cước công dân/Resident ID Card

☐ Hộ chiếu/ Passport

☐ Khác/other: _____

Số/No.: _____ Cấp ngày/Issued date: ____/____/____

Ngày hết hạn/ Expiry date: ____/____/____

Nơi cấp/ Issued by: _____

☐ Thị thực nhập cảnh/ Visa: _____ Cấp ngày/Issued date: ____/____/____ Ngày hết hạn/ Expiry date: _____

Tình trạng cư trú/Residential: _____

☐ Cư trú/ Resident

☐ Không cư trú/ Non-resident

Nghề nghiệp/ Occupation: _____ Chức vụ/ Position: _____

Quyết định bổ nhiệm số/ Decision of appointment No: _____ Ngày/ Date ____/____/____

Văn bản ủy quyền số/ Power of attorney No: _____ Ngày/ Date: ____/____/____

Địa chỉ thường trú/ đăng ký cư trú ở nước ngoài/ Permanent address/Residential registration in foreign country: _____

Địa chỉ thường trú/ đăng ký cư trú tại Việt Nam/ Permanent address/Residential registration in Vietnam: _____

Địa chỉ nơi ở hiện tại/ Current residential address: _____

Điện thoại/ Tell: _____ Mobile: _____ Email: _____

Mẫu chữ ký/ Signature specimen		MẤU DẤU CÔNG TY/Seal specimen	
1	2		

Người được chủ tài khoản ủy quyền sử dụng tài khoản/ Authorized person by account holder to user account.

Người được ủy quyền thứ⁵/ The authorized person

Họ và tên/ Full name: _____

☐ Thẻ căn cước/ ID card ☐ Căn cước công dân/ Resident ID Card

☐ Hộ chiếu/ Passport ☐ Khác/ Other: _____

Số/No.: _____

Cấp ngày/ Issued date: ____/____/____

Ngày hết hạn/ Expiry date: ____/____/____

Nơi cấp/ Issued by: _____

☐ Thị thực nhập cảnh/ Visa: _____

Cấp ngày/Issued date: ____/____/____

Ngày hết hạn/ Expiry date: _____

Văn bản ủy quyền số/ Power of attorney No: _____

Mẫu chữ ký/ Signature specimen	
1	2

⁴ Trường hợp Khách hàng đăng ký từ 02 người đại diện theo pháp luật trở lên thì bổ sung thêm đầy đủ các trường thông tin tương ứng/
In case organization register from above 02 legal representative person, adding/inserting full corresponding information

⁵ Trường hợp Khách hàng đăng ký từ 3 người được ủy quyền trở lên thì bổ sung thêm/In case organization register from above 03 authorised person, inserting suitability more.

Ngày/ Date: __/__/__ Chức vụ/ Position: _____

Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán/ Chief account/ accounting officer

Họ và tên/ full name: _____ Ngày sinh/ Date of birth: __/__/__

Quốc tịch/ Nationality: _____ Giới tính/ Gender: ☐ Nam/ Male ☐ Nữ/ Female

☐ Thẻ căn cước/ ID Card ☐ Căn cước công dân/Resident ID Card ☐ Hộ chiếu/ Passport ☐ Khác/other: _____

Số/No.: _____ Cấp ngày/Issued date: __/__/__ Ngày hết hạn/ Expiry date: __/__/__

Nơi cấp/ Issued by: _____

☐ Thị thực nhập cảnh/ Visa: _____ Cấp ngày/ Issued date: __/__/__ Ngày hết hạn/ Expiry date: _____

Tình trạng cư trú/ Residential: ☐ Cư trú/ Resident ☐ Không cư trú/ Non-resident

Nghề nghiệp/ Occupation: _____ Chức vụ/ Position: _____

Quyết định bổ nhiệm số/ Decision of appointment No: _____ Ngày/ Date __/__/__

Văn bản ủy quyền số/ Power of attorney No: _____ Ngày/ Date: __/__/__

Địa chỉ thường trú/ đăng ký cư trú ở nước ngoài/ Permanent address/Residential registration in foreign country: _____

Địa chỉ thường trú/ đăng ký cư trú tại Việt Nam/ Permanent address/Residential registration in Vietnam: _____

Địa chỉ nơi ở hiện tại/ Current residential address: _____

Điện thoại/ Tell: _____ Mobile: _____ Email: _____

Mẫu chữ ký/ Signature specimen	
1	2

Người được Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán của tổ chức ủy quyền/ Authorized person by the chief accountant/ accounting officer of the organization

Người được ủy quyền thứ/ The authorized person

Họ và tên/ Full name: _____

☐ Thẻ căn cước/ ID card ☐ Căn cước công dân/ Resident ID Card

☐ Hộ chiếu/ Passport ☐ Khác/ Other: _____

Số/No.: _____

Cấp ngày/ Issued date: __/__/__

Ngày hết hạn/ Expiry date: __/__/__

Nơi cấp/ Issued by: _____

☐ Thị thực nhập cảnh/ Visa: _____

Cấp ngày/Issued date: __/__/__

Ngày hết hạn/ Expiry date: _____

Văn bản ủy quyền số/ Power of attorney No: _____

Ngày/ Date: __/__/__ Chức vụ/ Position: _____

Chỉ thị khác của Khách hàng⁶/ Other instructions of the Customer:

Mẫu chữ ký/ Signature specimen	
1	2

B. ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN THOANH TOÁN/ OPENING CURRENT ACCOUNT REGISTRATION

Loại TKTT/ ☐ TKTT thông thường 01 /Current account 01
Type of account: ☐ TKTT thông thường 02 /Current account 02
☐ Khác/Other: _____
☐ TKTT số đẹp, Số/ Beautiful account, No.: _____

Loại tiền/ ☐ VND ☐ USD ☐ Khác/ Other: _____
Currency: ☐ VND ☐ USD ☐ Khác/ Other: _____
☐ VND ☐ USD ☐ Khác/ Other: _____

Phí mở TKTT số đẹp/ Beautiful account open fee: _____

C. ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ/ SERVICE REGISTRATION

THẺ GHI NỢ/ DEBIT CARD

Hạng thẻ/ Classify card: ☐ Hạng chuẩn – hạn mức 300 triệu đồng/ngày/ Standard class- limit up to 300 million/day

⁶ Trường hợp Khách hàng có nhu cầu sử dụng và quản lý tài khoản riêng biệt theo phân cấp nội bộ, như đại diện chủ tài khoản ủy quyền cho từ 02 người đồng thời ký tên trên các chứng từ giao dịch hoặc các yêu cầu khác, thực hiện điền vào nội dung tại “Chỉ thị khác của Khách hàng”/ In case the Customer needs to use and manage separate accounts according to the internal decentralization, such as the representative of the account holder authorize 02 people or more to simultaneously sign on transaction documents or other requirements, fill in the content at “Other instructions of the Customer”

☐ Hạng cao cấp – hạn mức 500 triệu đồng/ngày/ *Deluxe class- limit up to 500 million/day*

Tài khoản thanh toán gắn với thẻ^{7/} *Current account linked to Card:*

Người sử dụng thẻ chính/ Main card user:

Họ và tên/ *Full name:* _____

☐ Thẻ căn cước/ *ID Card* ☐ Căn cước công dân/*Resident ID Card* ☐ Hộ chiếu/ *Passport* ☐ Khác/*other:* _____

Số/No.: _____ Cấp ngày/*Issued date:* __/__/____ Ngày hết hạn/*Expiry date:* __/__/____

Nơi cấp/ *Issued by:* _____

☐ Thị thực nhập cảnh/ *Visa:* _____ Cấp ngày/ *Issued date:* __/__/____ Ngày hết hạn/ *Expiry date:* _____

Văn bản ủy quyền số/Văn bản cho phép sử dụng thẻ/ *Power of attorney/Using card permission document No.:* _____

Ngày/ *Date:* __/__/____

Chức vụ/ *Position:* _____

Địa chỉ liên lạc/ *Contact address:* _____

Số điện thoại di động/ *Mobile:* _____ Email : _____

Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:* _____

Tên người sử dụng dập nổi trên thẻ (tối đa 26 ký tự bao gồm ký tự trống)/ *Name of cardholder embossed on card (maximum 30 characters, including blank):* _____

Tên in trên hóa đơn giao dịch ATM, POS (tối đa 8 ký tự bao gồm ký tự trống)/ *Names printed on ATM, POS transaction invoices (maximum 8 characters including blank):* _____

Tên Người sử dụng thẻ in trên hóa đơn giao dịch ATM, POS (tối đa 8 ký tự bao gồm ký tự trống)/ *Name of cardholder printed on ATM, POS transaction invoices (maximum 8 characters including blank):* _____

Hình thức nhận thẻ/ Card receipt method:

☐ Tại MBV/ At MBV _____

☐ Qua chuyển phát/bưu điện, địa chỉ/

Via courier/ postal service, address: _____

Mẫu chữ ký / Signature specimen

Mẫu chữ ký / Signature specimen	
1	2

☐ **Phát hành thẻ phụ** (Khách hàng đăng ký thông tin bổ sung tại Phụ lục đính kèm/ *Supplementary card insurance (Customer register in the attached Appendix: additional registration information)*)

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ MBV BUSINESS⁸

SMS BANKING:

Điện thoại di động 1/ *Mobile 1:* _____

Điện thoại di động 4/ *Mobile 4:* _____

Điện thoại di động 2/ *Mobile 2:* _____

Điện thoại di động 5/ *Mobile 5:* _____

Điện thoại di động 3/ *Mobile 3:* _____

Điện thoại di động 6/ *Mobile 6:* _____

TKTT đăng ký dịch vụ^{7/} *Service – registered current account* _____

INTERNET BANKING, MOBILE BANKING:

Mã công ty⁹: là Mã số thuế của Doanh nghiệp/ *Company Code: is tax code of Organization*

Gói/ Packages: ☐ Cơ bản ☐ Nâng cao

Hạn mức chuyển tiền/ transfer limit:

☐ 2 tỷ/ *billion VND* ☐ 5 tỷ/ *billion VND* ☐ 10 tỷ/ *billion VND* ☐ 30 tỷ/ *billion VND* ☐ 50 tỷ/ *billion VND*

☐ Không giới hạn / *unlimit* ☐ Khác/ *Other:* _____

Số tài khoản thu phí/ fee-charged account No.: _____

Thông tin cá nhân (Personal Info.)	Tên đăng nhập (6-16 ký tự)/ <i>User name (6-16 characters):</i>	Phương thức xác thực giao dịch/ <i>Authentication method of transaction:</i>	Vai trò (Role)
Họ và tên/ <i>Full name:</i> _____ ☐ Thẻ căn cước/ <i>ID card</i> ☐ Căn cước công dân/ <i>Resident ID Card</i> ☐ Hộ chiếu/ <i>Passport</i> ☐ Khác/ <i>Other:</i> _____		☐ Digital OTP, _____ ☐ Chứng thư số (CA), số Serial: _____	☐ Lập lệnh (Maker) ☐ Kiểm soát (Approver) ☐ Duyệt lệnh (Releaser)

⁷ Để trống trường hợp đăng ký cho tất cả các TKTT đề nghị mở tại Hợp đồng này/ *leave blank if registering for all current account opened under this Application cum contract.*

⁸ Các dịch vụ NHDT được triển khai theo quyết định của Khối Kinh doanh trong từng thời kỳ

⁹ Mặc định là mã số thuế của doanh nghiệp. Trường hợp chọn mã khác, KH điền thông tin vào ô trống/ *Default is Tax code of Organization. In case of choosing another code, Customer fill information in blank*

Số/No.: _____
Cấp ngày/ Issued date: __/__/____
Ngày hết hạn/ Expiry date: __/__/____
Nơi cấp/ Issued by: _____
☐ Thị thực nhập cảnh/ Visa: _____
Cấp ngày/Issued date: __/__/____
Ngày hết hạn/ Expiry date: _____
Điện thoại di động / Mobile: _____
Địa chỉ Email/ Email : _____

Họ và tên/ Full name: _____
☐ Thẻ căn cước/ ID card ☐ Căn cước công dân/ Resident ID Card ☐ Hộ chiếu/ Passport ☐ Khác/ Other: _____

Số/No.: _____
Cấp ngày/ Issued date: __/__/____
Ngày hết hạn/ Expiry date: __/__/____
Nơi cấp/ Issued by: _____
☐ Thị thực nhập cảnh/ Visa: _____
Cấp ngày/Issued date: __/__/____
Ngày hết hạn/ Expiry date: _____
Điện thoại di động / Mobile: _____
Địa chỉ Email/ Email : _____

Họ và tên/ Full name: _____
☐ Thẻ căn cước/ ID card ☐ Căn cước công dân/ Resident ID Card ☐ Hộ chiếu/ Passport ☐ Khác/ Other: _____

Số/No.: _____
Cấp ngày/ Issued date: __/__/____
Ngày hết hạn/ Expiry date: __/__/____
Nơi cấp/ Issued by: _____
☐ Thị thực nhập cảnh/ Visa: _____
Cấp ngày/Issued date: __/__/____
Ngày hết hạn/ Expiry date: _____
Điện thoại di động / Mobile: _____
Địa chỉ Email/ Email : _____

☐ Digital OTP, _____
☐ Chứng thư số (CA), số Serial: _____

☐ Lập lệnh (Maker)
☐ Kiểm soát (Approver)
☐ Duyệt lệnh (Releaser)

☐ Digital OTP, _____
☐ Chứng thư số (CA), số Serial: _____

☐ Lập lệnh (Maker)
☐ Kiểm soát (Approver)
☐ Duyệt lệnh (Releaser)

☐ Khác/ Other: _____

Trường hợp Khách hàng đăng ký trên 03 User (Khách hàng đăng ký thông tin bổ sung tại Phụ lục đính kèm)/ In case the Customer registers more than 03 Users (Customer register in the attached Appendix). Lưu ý: Trường hợp doanh nghiệp sử dụng phương thức xác thực là CA thì phương thức này phải được gán với user đăng ký theo thông tin Người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp. Trường hợp DN đăng ký thêm tài khoản truy cập hoặc thực hiện ủy quyền, vui lòng khai báo tại phụ lục Đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử đính kèm/ **Note: If the enterprise uses CA authentication method, this method must be assigned to the registered user according to the information of the legal representative / authorized representative of enterprise. In case the enterprise registers to add an access account or performs authorization, please declare in the attached Appendix of E-Banking service registration)**

Dịch vụ MBV điện tử khác: Ngoài các dịch vụ trên, Tôi đồng ý sử dụng dịch vụ MBV điện tử khác do MBV cung cấp từng thời kỳ (bao gồm cả việc đăng ký, sử dụng dịch vụ cấp tín dụng trên kênh điện tử) thông qua việc sử dụng thông tin, dữ liệu cá nhân đã cung cấp cho MBV và/hoặc các yếu tố bảo mật để khởi tạo và gửi cho MBV các đề nghị, xác nhận theo đúng định dạng dữ liệu được MBV hướng dẫn trên kênh điện tử/ *Other electronic MBV services: In addition to the above services, I agree to use other MBV electronic services provided by MBV from time to time (including registration and use of credit extension services on electronic channels) through the use of personal information, data provided to MBV and / or security factors to initialize and send to MBV proposals and confirmations, in accordance with the data format guided by MBV on electronic channel.*

DỊCH VỤ SỔ PHỤ TÀI KHOẢN/ ACCOUNT SUBSIDIARY LEDGER SERVICE

Tài khoản đăng ký nhận sổ phụ/ *Account to register to receive subsidiary ledger:* _____

Tần suất nhận sổ phụ/ *Frequency of receiving subsidiary ledger:*

☐ Hàng ngày/ *Daily* ☐ Hàng tuần/ *Weekly* ☐ Hàng tháng/ *Monthly* ☐ Khác/ *Other:* _____

Chương từ đăng ký nhận/ ☐ Sao kê chi tiết tài khoản/ *Account Statement*

Documents receiving registration: ☐ Sao kê chi tiết tài khoản kèm báo nợ/ báo có/ *Account Statement attach with Debit note, Credit note*

Hình thức nhận sổ phụ/ *Receiving supplementary book form*

- ☐ Qua dịch vụ Internet Banking (nếu khách hàng có sử dụng dịch vụ này)/ *Via Internet Banking service (if customers use this service)*
☐ Qua Swift, số/ *Via Swift, no:* _____
☐ Qua Email (từ 1 – 3 email) – (Áp dụng với Sổ phụ điện tử)/ *Via Email (from 1-3 email) – (apply for electronic subsidiary ledger)*

☐ Qua Chuyển phát/bưu điện, địa chỉ/ *Via Courier/ postal service, address:* _____

☐ Nhận tại MBV/ *Receiving at MBV:*

Thông tin người nhận sổ phụ tại ngân hàng/ *Information of subsidiary ledger recipient at the bank:*

Họ và tên/ *Full name:* _____

☐ Thẻ căn cước/ *ID card* ☐ Căn cước công dân/ *Resident ID Card* ☐ Hộ chiếu/ *Passport* ☐ Khác/ *Other:* _____

Số/No.: _____

Cấp ngày/ *Issued date:* __/__/__

Ngày hết hạn/ *Expiry date:* __/__/__

Nơi cấp/ *Issued by:* _____

☐ Thị thực nhập cảnh/ *Visa:* _____

Cấp ngày/ *Issued date:* __/__/__

Ngày hết hạn/ *Expiry date:* _____

Chức vụ/ *Position:* _____

Điện thoại di động/ *Mobile:* _____

Email: _____

Họ và tên/ *Full name:* _____

☐ Thẻ căn cước/ *ID card* ☐ Căn cước công dân/ *Resident ID Card* ☐ Hộ chiếu/ *Passport* ☐ Khác/ *Other:* _____

Số/No.: _____

Cấp ngày/ *Issued date:* __/__/__

Ngày hết hạn/ *Expiry date:* __/__/__

Nơi cấp/ *Issued by:* _____

☐ Thị thực nhập cảnh/ *Visa:* _____

Cấp ngày/ *Issued date:* __/__/__

Ngày hết hạn/ *Expiry date:* _____

Chức vụ/ *Position:* _____

Điện thoại di động/ *Mobile:* _____

Email: _____

DỊCH VỤ TRẢ LƯƠNG QUA TÀI KHOẢN/ PAYROLL SERVICE VIA ACCOUNT

Số tài khoản chi trả lương mở tại MBV/ *Number of payroll accounts opened at MBV:* _____

Số tài khoản thu phí/ *fee- charged account No:* _____

Mức phí/ *Fee:* _____

Đăng ký cán bộ đầu mối gửi email Danh sách chi lương (file excel) theo mẫu của MBV tại mỗi lần chi trả lương/ *Register with the person to send salary list (excel file) as per MBV's form in each salary payment:*

Họ và tên/ *Full name:* _____

☐ Thẻ căn cước/ *ID card* ☐ Căn cước công dân/ *Resident ID Card* ☐ Hộ chiếu/ *Passport* ☐ Khác/ *Other:* _____

Số/No.: _____

Cấp ngày/ *Issued date:* __/__/__

Ngày hết hạn/ *Expiry date:* __/__/__

Nơi cấp/ *Issued by:* _____

☐ Thị thực nhập cảnh/ *Visa:* _____

Cấp ngày/ *Issued date:* __/__/__

Ngày hết hạn/ *Expiry date:* _____

Chức vụ/ *Position:* _____

Điện thoại di động/ *Mobile:* _____

Địa chỉ Email (dùng để gửi file)/ *Email (To send file):* _____

Họ và tên/ *Full name:* _____

☐ Thẻ căn cước/ *ID card* ☐ Căn cước công dân/ *Resident ID Card* ☐ Hộ chiếu/ *Passport* ☐ Khác/ *Other:* _____

Số/No.: _____

Cấp ngày/ *Issued date:* __/__/__

Ngày hết hạn/ *Expiry date:* __/__/__

Nơi cấp/ *Issued by:* _____

☐ Thị thực nhập cảnh/ *Visa:* _____

Cấp ngày/ *Issued date:* __/__/__

Ngày hết hạn/ *Expiry date:* _____

Chức vụ/ *Position:* _____

Điện thoại di động/ *Mobile:* _____

Địa chỉ Email (dùng để gửi file)/ *Email (To send file):* _____

DỊCH VỤ THU HỘ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (ĐIỆN TỬ)/ STATE BUDGET COLLECTION SERVICES (ELECTRONIC)

☐ **Nộp thuế điện tử với Tổng cục Thuế/ Electronic tax payment to the General Department of Taxation**

☐ **Nộp thuế điện tử với Tổng cục Hải quan (Hải quan 24/7)/ Electronic tax payment to the General Department of Taxation (Customs 24/7)**

Tài khoản đăng ký dịch vụ/ Service – registered account: _____

Tài khoản mặc định thu phí/ Default fee-charged account: _____

Thông tin người thực hiện giao dịch Hải quan 24/7/ Information of person performing Customs transactions 24/7:

Họ và tên/Full name: _____

☐ Thẻ căn cước/ ID card ☐ Căn cước công dân/ Resident ID

Card ☐ Hộ chiếu/ Passport ☐ Khác/ Other: _____

Số/No.: _____

Cấp ngày/ Issued date: __/__/____

Ngày hết hạn/ Expiry date: __/__/____

Nơi cấp/ Issued by: _____

☐ Thị thực nhập cảnh/ Visa: _____

Cấp ngày/Issued date: __/__/____

Ngày hết hạn/ Expiry date: _____

Chức vụ/ Position: _____

Điện thoại di động/ Mobile: _____

Email: _____

Họ và tên/Full name: _____

☐ Thẻ căn cước/ ID card ☐ Căn cước công dân/ Resident ID Card

☐ Hộ chiếu/ Passport ☐ Khác/ Other: _____

Số/No.: _____

Cấp ngày/ Issued date: __/__/____

Ngày hết hạn/ Expiry date: __/__/____

Nơi cấp/ Issued by: _____

☐ Thị thực nhập cảnh/ Visa: _____

Cấp ngày/Issued date: __/__/____

Ngày hết hạn/ Expiry date: _____

Chức vụ/ Position: _____

Điện thoại di động/ Mobile: _____

Email: _____

☐ **Dịch vụ khác/ Other services:** _____

- **Lưu ý:** để sử dụng được dịch vụ quý KH phải đăng ký sử dụng dịch vụ chữ ký số của các tổ chức cung cấp chữ ký số hiện có trên thị trường/ *Note: in order to use the service, you must register to use digital signature services of organizations providing digital signatures currently on the market.*

- **Thời hạn sử dụng dịch vụ:** Kể từ ngày Khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ và được MBV chấp thuận cho đến khi có thông tin ngừng sử dụng dịch vụ của KH qua cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Tổng cục Hải quan; hoặc đến khi MBV ngừng cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận của MBV với Tổng cục Thuế/Tổng cục Hải quan/ *Service term: From the day when the Customer registers to use the service and is accepted by MBV until it has information on stopping the use of service from customers via the web portal of General Department of Taxation / General Department of Customs agency; or until MBV stops providing services as agreed by MBV with the General Department of Taxation / General Department of Customs.*

DỊCH VỤ TRÍCH NỢ TỰ ĐỘNG (THANH TOÁN HÓA ĐƠN)/ AUTOMATICALLY DEBIT (BILL PAYING) SERVICE:

Tài khoản chỉ định/ Account specify⁷: _____

☐ Thu tiền điện/ Collect Electricity bill

Mã hợp đồng/Mã KH/
Contract No./Customer code: _____

Người thụ hưởng/ Beneficiary: _____ Ngày trích nợ/ Debit day: _____

☐ Thu tiền nước/ Collect Water bill

Mã hợp đồng/Mã KH/Contract
code/Customer code
: _____

Người thụ hưởng/ Beneficiary: _____ Ngày trích nợ/ Debit day: _____

☐ Thu khác/ Collect Other bill

Mã hợp đồng/Mã KH/ Contract
code/Customer
code: _____

Người thụ hưởng/ Beneficiary: _____ Ngày trích nợ/ Debit day: _____

Số tiền thanh toán: Căn cứ theo số liệu của Nhà cung cấp dịch vụ cung cấp hàng tháng cho MBV/ *Payment amount: Based on figures of Service Provider providing monthly for MBV.*

ĐĂNG KÝ HÌNH THỨC GỬI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ/ REGISTER FOR SENDING ELECTRONIC INVOICE

Hình thức gửi Hóa đơn điện tử/ Sending electronic via: ☐ Email ☐ Sms

Địa chỉ email đăng ký nhận hóa đơn điện tử/Email address to receive e-invoice: _____

Số điện thoại đăng ký nhận hóa đơn điện tử/ Mobile number to receive e-invoice: _____

Tần suất nhận/ Frequency: ☐ Hàng ngày/daily ☐ Hàng tháng/monthly ☐ Theo giao dịch/by transaction

GÓI DỊCH VỤ/SERVICE PACKAGE:¹⁰

☐ **Gói dịch vụ tài khoản/ MBV account advance:**

☐ Tài khoản thanh toán/ Current account

☐ Internet Banking, Mobile banking

☐ Trả lương qua tài khoản/ Payroll via account

☐ Thanh toán trong nước/ Domestic transfer

☐ SMS Banking

☐ Khác/Other: _____

Hình thức tham gia gói/ Type of Package participation:

☐ Đóng phí trọn gói/ Pay the total packages fee

☐ Duy trì số dư tiền gửi không kỳ hạn bình quân hàng tháng/Maintain the average monthly non-term deposit balance

¹⁰ Các gói dịch vụ được triển khai theo quyết định của Khối kinh doanh trong từng thời kỳ

D. NHẬN BIẾT VÀ CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG/ CUSTOMER'S COMMITMENTS AND RESPONSIBILITY

1. Chúng tôi (KH), cam kết những thông tin cung cấp và đăng ký là đầy đủ, chính xác và cập nhật nhất.

I (Customer) hereby commit that the information provided is genuine, most accurate and up to date.

2. KH xác nhận đã được MBV tư vấn, đã đọc, hiểu rõ và đồng ý thực hiện quy định tại: (i) Đề nghị kèm Hợp đồng sử dụng dịch vụ và Điều khoản điều kiện đi kèm (nếu có); (ii) Các điều khoản điều kiện về sử dụng dịch vụ được công bố trên website của MBV tại địa chỉ <https://mbv.com.vn> (hoặc địa chỉ khác theo thông báo của MBV và (các) thỏa thuận, văn bản giao kết trên phương tiện điện tử giữa KH và MBV (nếu có); (iii) Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân của MBV được đăng tải trên website: www.mbv.com.vn. Các văn bản trên tạo thành một thỏa thuận thống nhất, có hiệu lực áp dụng giữa KH và MBV ("Thỏa Thuận"). Trường hợp có khác biệt về nội dung tại các văn bản trên, Các điều khoản điều kiện về sử dụng dịch vụ được ưu tiên áp dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Customer confirms that they have been consulted, read, understood and agreed to the regulations in (i) Application cum contract of using services and The terms and conditions; (ii) The terms and conditions for using service publicized on MBV's website at <https://mbv.com.vn> (or other address according to MBV's notice) and the agreements, documents issue on the electronic channel by Customer and MBV (if any); (iii) MBV's Personal Data Protection Policy as stipulated on the website: www.mbv.com.vn. The documents constitute a unified, valid agreement applied between Customer and MBV ("agreement"). In case of differences in the content between these above documents, The terms and conditions for using service are taken precedence of application, except other agreement.

3. Đối với dịch vụ cấp tín dụng trên kênh điện tử, KH đồng ý Thỏa Thuận và đề nghị cấp tín dụng, văn kiện tín dụng do KH xác nhận bằng phương tiện điện tử được MBV chấp thuận và giải ngân sẽ tạo thành một Hợp đồng tín dụng theo đúng quy định pháp luật và có giá trị pháp lý ràng buộc các bên.

For the credit issue service on electronic channel, Customer agrees to agreement and the request for credit issue, credit documents customer confirm by the electronic channel, which are approved and disbursed by MBV and will form a credit contract in accordance with the provisions of law and have legal value for the parties.

4. KH đồng ý MBV được sửa đổi, bổ sung, thay thế Các điều khoản điều kiện về sử dụng dịch vụ; và thông báo trên website của MBV hoặc các phương thức khác tại Điều khoản điều kiện có giá trị áp dụng kể từ thời điểm ghi tại bản Các điều khoản điều kiện về sử dụng dịch vụ hoặc thời điểm khác theo thông báo của MBV.

Customer agrees MBV may amend, supplement, replace with The terms and conditions for using service; and noticed on MBV's Website or other way stated in The term and condition and are valid from the time stated in The terms and conditions for using service or other time according to the notice of MBV, unless otherwise agreed by Customer and MBV.

5. Cho mục đích tuân thủ các yêu cầu về rà soát khách hàng của (FATCA), Chúng tôi, theo đây đồng ý cho MBV báo cáo thông tin về các tài khoản tài chính của công ty chúng tôi mở tại MBV cho Sở Thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) theo yêu cầu đối với Tổ chức tài chính tuân thủ FATCA;

For the purpose of complying with Foreign Account Tax Compliance Act (FATCA) due diligence rule, We hereby give our consent to MBV to report information on our financial accounts to the US Internal Revenue Services (IRS) as required for a FATCA-compliant financial institution;

6. Trong trường hợp tổ chức thuộc một trong các đối tượng FATCA, Chúng tôi, theo đây, đồng ý cho MBV truy cập tất cả các thông tin liên quan đến các tài khoản của công ty, đồng thời sẽ cung cấp thêm các thông tin cho MBV theo các quy định của FATCA

In case we are an entity subjected to FATCA's provisions, we hereby give our consent to MBV to access all information on our accounts, and shall provide additional information to MBV as per FATCA's regulations

7. Văn bản này được soạn thảo bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong đó bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý áp dụng, bản tiếng anh có giá trị tham khảo/ This document is drafted in Vietnamese and English, in which the Vietnamese version has the legal validity, the English version is for reference purpose only

.....Ngày/Date: / /

Chủ tài khoản/Người đại diện hợp pháp của tổ chức
Account holder/Legal representative of organization

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/ Signature, full name and stamp)

E. PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG/ FOR THE BANK ONLY**Nhận hồ sơ và ký kết Hợp đồng/ Receive documents****and sign the Contract:** ____/____/____☐ Tại quầy/ At MBV's counter ☐ Mã CRM: _____☐ Qua Chuyên viên QHKH/ Through RMThông tin TKTT của KH¹¹/ Information current account of customer

Số TKTT/ Current account no

Số tài khoản/ Account No	Loại tiền/ Currency
01/	
02/	
03/	
04/	
05/	
06/	

Tên tài khoản/ Account name: _____

Ngày bắt đầu hoạt động/ The start date: ____/____/____

Chuyên viên QHKH**Relationship management**

(Ký, họ tên/ Write, sign full name)

Phòng KHDN**Organization Customer Department**

(Ký, họ tên/ Write, sign full name)

Chuyên viên tư vấn/**Consultant**

(Ký, họ tên/ Write, sign full name)

NGÂN HÀNG TNHH MTV VIỆT**NAM HIỆN ĐẠI/ MODERN BANK****OF VIETNAM**

(Ký và đóng dấu/ Sign and stamp)

¹¹ Số TKTT đầu tiên của KH đồng thời là số hợp đồng của Đề nghị kiểm hợp đồng này/ The first current account of customer is also the contract number of this Request cum Contract.